TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 201/**2025/DS - ST
Ngày 16- 10- 2025
V/v tranh chấp "*Hợp đồng thi công*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thành Thông;
2. Bà Phạm Thị Kim Lan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long: Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng thi công*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2025/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2025/QĐST –DS ngày 22/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Sở Nông nghiệp và Môi Trường tỉnh V.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Văn T – Giám đốc

Địa chỉ: Số A N, phường T, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

+ Ông Võ Văn N - Chức vụ: Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi Trường tỉnh V theo giấy ủy quyền số 567/GUQ-SNN&MT ngày 07 tháng 10 năm 2025.

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1981 – Chuyên viên chính C

+ Ông Huỳnh Thanh Đ, sinh năm 1988 – Chuyên viên C1.

Bị đơn: Công ty Cổ phần X.

Địa chỉ: Số B Phố B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng T2 – Giám đốc. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Mạnh H - Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: Tòa S, đường D, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt, người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B nay là Sở Nông nghiệp và Môi Trường tỉnh V (chủ đầu tư) với Công ty Cổ phần X (nhà thầu) có ký kết Hợp đồng Kinh tế số 04/KS-BT ngày 04 tháng 9 năm 2019 và các phụ lục hợp đồng về việc mua sắm và lắp đặt các thiết bị đo chất lượng nước tại các trạm quan trắc tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long), gói thầu G1, dự án xây dựng hệ thống quan trắc dự báo độ mặn và giám sát chất lượng nước tự động thuộc dự án thích ứng với biến đối khí hậu vùng đồng bằng sông C tại tỉnh Bến Tre và Trà Vinh cũ). Đối tượng của Hợp đồng số 04/KS-BT là các hàng hóa được nêu tại điều 1 của Hợp đồng với giá trị hợp đồng là 7.681.000.000 đồng. Hợp đồng đã thực hiện và được 02 bên ký biên bản nghiệm thu ngày 30/9/2020. Tuy nhiên, sau khi ký nghiệm thu và đưa vào sử dụng chủ đầu tư không thể vận hành được hệ thống quan trắc dự báo độ mặn và giám sát chất lượng nước tự động, phát sinh một số vấn đề cụ thể là:

Nhà thầu không mở kết nối truyền dữ liệu từ trạm quan trắc về máy chủ của chủ đầu tư là đã vi phạm mục e ĐKC 22 Hợp đồng số 04/KS-BT về kết nối thiết bị trạm vào thiết bị trung tâm của gói thầu này, xâm phạm quyền lợi của chủ đầu tư.

Nhà thầu không thực hiện cài đặt lại và đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm điều khiển màn hình Led (phần mềm đã cài đặt hiện tại khó vận hành, bị lỗi khi tắt máy tính chạy phần mềm) là đã vi phạm ĐKC 22 Hợp đồng số 04/KS-BT.

Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ bảo trì, bảo hành thiết bị là đã vi phạm mục e ĐKC 22 Hợp đồng số 04/KS-BT.

Nhà thầu không thực hiện hỗ trợ kỹ thuật sau bán hàng là đã vi phạm mục e ĐKC 22 Hợp đồng số 04/KS-BT.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (cũ) phát hành nhiều văn bản nhắc nhở nhưng nhà thầu có yêu cầu chủ đầu tư thanh toán 100% kinh phí thì nhà thầu mới tiếp tục thực hiện các nội dung vướng mắc theo yêu cầu của chủ đầu tư. Việc nhà

thầu yêu cầu chủ đầu tư thanh toán 100% kinh phí là không đúng theo điều 1 Phụ lục hợp đồng số 04C/2020/PLHĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 và ĐKC 22 Hợp đồng số 04/KS-BT nên chủ đầu tư không thể đáp ứng yêu cầu với lý do chưa hết thời gian bảo hành thiết bị. Nhà thầu cũng không đồng ý chủ đầu tự sử dụng 5% kinh phí bảo lãnh bảo hành để thuê đơn vị khác có đủ năng lực để thực hiện việc bảo hành theo quy định.

Với tinh thần hợp tác để tháo gỡ các vướng mắc nhằm vận hành hệ thống một cách hiệu quả phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nên ngày 16/11/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (cũ) tiếp tục phát hành Công văn số 5125/STNMT-QLMT& BĐKH về việc thực hiện khắc phục nội dung của gói thầu G1 (dự án AMD) đề nghị nhà thầu hợp tác thực hiện hoàn thành các công việc còn lại như Mở dữ liệu truyền từ trạm về server; lắp đặt, cài đặt lại và đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm điều khiển màn hình Led, phần mềm sever; Phối hợp thực hiện kiểm tra để xác định nguyên nhân và tiến hành bảo hành thiết bị hoàn thành trước ngày 05/12/2021 nhưng nhà thầu không có thông tin phản hồi với chủ đầu tư.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B nay là Sở Nông nghiệp và Môi Trường tỉnh V đã khởi kiện vụ việc tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long. Quá trình giải quyết Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên hòa giải nhưng không thành; Đến ngày 16/5/2025 hai bên có thống nhất các nội dung cần thực hiện để đi đến kết thúc hợp đồng như sau:

- Công ty Cổ phần X có trách nhiệm liên hệ với đơn vị cung cấp phần mềm mở truyền dữ liệu từ trạm quan trắc về máy chủ của chủ đầu tư.

- Hoặc phía bị đơn là Công ty Cổ phần X có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Bến Tre tìm đơn vị độc lập để cung cấp phần mềm mở truyền dữ liệu từ trạm quan trắc về máy chủ của chủ đầu tư.

- Hoặc trong trường hợp phía Công ty Cổ phần X không tìm được đơn vị cung cấp phần mềm mở truyền dữ liệu thì phía Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ được trích sử dụng kinh phí 5% bảo hành cho việc thuê đơn vị độc lập để cung cấp phần mềm mở truyền dữ liệu từ trạm quan trắc về máy chủ của chủ đầu tư.

- Nếu Công ty Cổ phần X mở truyền dữ liệu xong thì Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ nghiệm thu, bảo hành và có trách nhiệm hoàn trả số tiền 5% còn lại giá trị của hợp đồng cho phía Công ty Cổ phần X.

Thời gian thực hiện trước ngày 30/5/2025 tuy nhiên đến nay các phương thức đưa ra vẫn chưa được thực hiện. Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ bảo hành nên Sở Nông nghiệp và M tỉnh Vĩnh Long yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long giải quyết tuyên xử giao cho Sở Nông nghiệp và Môi Trường tỉnh V được quyền sử dụng kinh phí 5% giá trị của hợp đồng chủ đầu tư còn giữ lại tương đương số tiền 384.000.000 đồng để sử dụng vào việc bảo hành bảo trì thiết bị.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần X thực hiện mở truyền dữ liệu từ trạm quan trắc về máy chủ của chủ đầu tư để kết nối thiết bị trạm vào thiết bị trung tâm; Cài đặt lại và đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm vận hành màn hình Led, phần mềm vận hành máy chủ; Hướng dẫn vận hành sử dụng và bảo trì cho cán bộ vận hành thiết bị trạm và thiết bị trung tâm; Hỗ trợ kỹ thuật sau bán hàng 24/7: 24 tháng kể từ ngày đưa thiết bị vào sử dụng

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 10/01/2025 bị đơn công ty Cổ phần X Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100107885 đăng ký lần đầu ngày 21/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ: 15, ngày 19/09/2024 trình bày:

Năm 2019, Công ty cổ phần X tham gia dự thầu và đã trúng thầu gói thầu G1: Mua sắm lắp đặt các thiết bị đo chất lượng nước tại các trạm quan trắc tỉnh Bến Tre và Trà Vinh thuộc Dự án Xây dựng hệ thống quan trắc dự báo độ mặn và giám sát chất lượng nước tự động thuộc Dự án thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông C (A) tại tỉnh Bến Tre và Trà Vinh; Sau khi trúng thầu bị đơn đã ký hợp đồng với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T.

Ngày 04/09/2019, Công ty cổ phần X đã ký Hợp đồng số 04/2019/STNMTBT-KS với chủ đầu tư là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B thực hiện Gói thầu G1 nêu trên. Cùng ngày, Công ty cổ phần X ký Hợp đồng số: 01/MISC-KS-2019 với nhà cung cấp là Công ty cổ phần T3 (sau đây gọi tắt là Công ty T3) về việc cung cấp, lắp đặt hàng hóa thiết bị cho Hợp đồng số 04/2019/STNMTBT-KS cung cấp, lắp đặt các thiết bị đo chất lượng nước tại các trạm quan trắc tỉnh Bến Tre;

Ngày 30/09/2020, bị đơn và Công ty T3 hoàn thành lắp đặt thiết bị theo Hợp đồng đã ký nêu trên, thể hiện bằng Biên bản nghiệm thu hoàn thành thiết bị đưa vào sử dụng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B. Tuy nhiên cho đến nay, còn tồn tại như sau:

Chưa phát hành bảo lãnh bảo hành cho chủ đầu tư do: Các biên bản nghiệm thu hoàn thành thiết bị đưa vào sử dụng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B được ký và chuyển đến bị đơn chậm nên bị đơn không thể phát hành bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày ký biên bản. Chủ đầu tư dựa vào lý do đó không thanh toán hết 5% giá trị giá hợp đồng.

Việc chủ đầu tư chậm bàn giao nhà trạm để lắp đặt thiết bị đã gây ra tổn thất và tốn kém chi phí cho đơn vị cung cấp là Công ty T3 và bị đơn, do phải bố trí kỹ sư trực sẵn tại Bến Tre để sẵn sàng cho việc lắp đặt trong nhiều tháng, nhiều lần chủ đầu tư thông báo đến họp và đi thực địa bàn giao nhà trạm nhưng không có nhà trạm nào hoàn thành và đạt tiêu chuẩn lắp đặt thiết bị được bàn giao.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B chưa thanh toán 5% trị giá hợp đồng còn lại nên bị đơn chưa thanh toán 5% trị giá hợp đồng cho Công ty T3.

Tại văn văn bản số 30/2025/MINEX/CV-SNNMTVL ngày 17/09/2025 của Công ty Cổ phần X trình bày: Bị đơn chấp thuận phương án hòa giải với nguyên đơn theo biên bản hòa ngày 16/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre. Bị đơn đề nghị phía nguyên đơn rút đơn khởi kiện và có văn bản xác nhận bị đơn không phải chịu bất cứ chi phí, án phí, lệ phí hay khoản tiền nào khác và không còn bất cứ trách

nhiệm, nghĩa vụ nào liên quan đến Hợp đồng số: 04/2019/STNMTBT-KS làm cơ sở pháp lý cuối cùng để hai bên chấm dứt quyền và nghĩa vụ. Sau khi có Quyết định đình chỉ vụ án dân sự của Tòa án nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long và văn bản xác nhận nêu trên thì phía bị đơn đồng ý cho nguyên đơn được trích kinh phí 5% liên quan đến bảo hành của Hợp đồng số: 04/2019/STNMTBT-KS cho việc thuê đơn vị độc lập để cung cấp phần mềm mở truyền dữ liệu từ trạm quan trắc về máy chủ của chủ đầu tư và giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Quan điểm phát biểu của Viện kiểm sát đề nghị tại văn bản ngày 16 tháng 10 năm 2025 đã lưu trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí thực hiện theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng thi công" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long.

[2] Về tố tụng: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện theo pháp luật của bị đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[3] Về nội dung:

Xét Hợp đồng Kinh tế số 04/KS-BT ngày 04 tháng 9 năm 2019 và các phụ lục hợp đồng. Xét thấy: Hợp đồng được ký kết về Mua sắm và lắp đặt các thiết bị đo chất lượng nước tại các trạm quan trắc tỉnh Bến Tre (gói thầu G1, Dự án Xây dựng hệ thống quan trắc dự báo độ mặn và giám sát chất lượng nước tự động thuộc Dự án thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông C tại tỉnh Bến Tre và Trà Vinh) giữa chủ đầu tư là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh V với nhà thầu là Công ty Cổ phần X. Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận hợp đồng đã được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng ngày 07/9/2020 (bút lục 197-198) nguyên đơn đã thanh toán xong giá trị toàn bộ và Nhà thầu chuyển nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết liên quan đến nghĩa vụ bảo hành phát sinh từ quan hệ hợp đồng. Hai bên đều thừa nhận hiện nay nguyên đơn còn giữ lại số tiền trong thời hạn bảo hành là 5% giá trị công trình tương

đương với số tiền 384.000.000 đồng kết thúc bảo hành nguyên đơn sẽ chuyển trả cho bị đơn. Căn cứ ĐKC 6.1 và 25.2 tại điều kiện chung của hợp đồng thì thời gian bảo hành là 24 tháng bắt đầu tính từ ngày 07/9/2020. Như vậy trong thời gian bảo hành cho đến nay Công ty Cổ phần X không cung cấp tài liệu chứng cứ đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo hành như điều khoản hợp đồng đã ký kết "Nhà thầu nộp cho Chủ đầu tư một giấy chứng nhận bảo hành cho toàn hệ thống và một Bảo lãnh Bảo hành bằng tiền Việt Nam Đồng có giá trị 5% giá trị hợp đồng...". Đồng thời tại văn bản số 30/2025/MINEX/CV-SNNMTVL ngày 17/09/2025 của Công ty Cổ phần X xác nhận chấp thuận phương án hòa giải với nguyên đơn theo biên bản hòa giải ngày 16/5/2025 bị đơn đồng ý cho nguyên đơn được trích kinh phí 5% liên quan đến bảo hành của Hợp đồng số: 04/2019/STNMTBT-KS cho việc thuê đơn vị độc lập để cung cấp phần mềm mở truyền dữ liệu từ trạm quan trắc về máy chủ của chủ đầu tư và giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận giao cho nguyên đơn được trích sử dụng số tiền 5% giá hợp đồng tương đương với số tiền 384.000.000 đồng để sử dụng vào việc bảo hành bảo trì thiết bị.

Tại phiên tòa Sở Nông nghiệp và Môi Trường tỉnh V không yêu cầu Công ty Cổ phần X thực hiện mở đường truyền dữ liệu từ trạm quan trắc về máy chủ của chủ đầu tư để kết nối thiết bị trạm vào thiết bị trung tâm; Cài đặt lại và đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm vận hành màn hình Led, phần mềm vận hành máy chủ; Hướng dẫn vận hành sử dụng và bảo trì cho cán bộ vận hành thiết bị trạm và thiết bị trung tâm; Hỗ trợ kỹ thuật sau bán hàng 24/7: 24 tháng kể từ ngày đưa thiết bị vào sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm g Điều 40, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 385; Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 123; Điều 124; Điều 125; Điều 138; 139; 140; Luật Xây dựng;

Điều 36, 36 Nghị định 46/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật xây dựng. phụ lục về danh mục cấp công trình xây dựng kèm theo Nghị định 47/2015/NĐ-CP

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Sở Nông nghiệp và Môi Trường tỉnh V.

Giao cho Sở Nông nghiệp và Môi Trường tỉnh V được trích sử dụng 5% giá Hợp đồng Kinh tế số 04/KS-BT ngày 04 tháng 9 năm 2019 tương đương với số tiền 384.000.000 đồng để thực hiện bảo hành, bảo trì thiết bị.

Sở Nông nghiệp và Môi Trường tỉnh V không yêu cầu Công ty Cổ phần X thực hiện Mở truyên dữ liệu từ trạm quan trắc vê máy chủ của chủ đầu tư để kết nối thiêt bị trạm vào thiêt bị trung tâm; Cài đặt lại và đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm vận hành màn hình Led, phần mềm vận hành máy chủ; Hướng dẫn vận hành sử dụng và bảo trì cho cán bộ vận hành thiết bị trạm và thiết bị trung tâm; Hỗ trợ kỹ thuật sau bán hàng 24/7: 24 tháng kể từ ngày đưa thiết bị vào sử dụng nên không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty Cổ phần X phải chịu 300.000 đồng đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Sở Nông nghiệp và Môi Trường tỉnh V được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002615 ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long;
-THADS tỉnh Vĩnh Long;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

Huỳnh Thị Phê